

阮攸先先生傳

TRUYỆN CỤ NGUYỄN-ĐU

TÁC-GIA TRUYỆN THUY-KIỀU

BIOGRAPHIE DE NGUYỄN-ĐU
AUTEUR DU POÈME THUY-KIỀU

Phó-bảng PHAN-SĨ-BÀNG, Giải-nguyên LÊ-THƯỚC

Biên tập.

Người làm sách giữ bản-quyền



HANOI
IMP. MAC-DINH-TU
1924

LỊCH-SỬ CỤ NGUYỄN-DU LÀ TRƯỞC-GIẢ TRUYỆN THUYẾT-KIỀU (1)

Ngạn ngữ có nói rằng: « Một lời nói một gói vàng » thế thời lời nói của người ta có giá-trị biết ngần nào! mà phải biết cho xứng đáng được cái giá-trị ấy, lại khó khăn biết ngần nào!

Chúng tôi là một người cựu-học, học-thức hẹp hòi, chả có kiến-văn gì là tân kỳ, nghị-luận gì là cao thượng, đáng đem vào cuộc diễn-thuyết này để công hiến cho các bậc bác-nhã quân-tử.

Nhân vì lâu nay đến giờ, quốc-dân phần nhiều ai cũng có ý ái trọng và khuyh hướng về quốc-văn, xem như trong các báo chương, ngày nào, tuần nào, tháng nào, cũng có một vài bài, dăm bảy trương nghị luận về quốc-văn, công kích vì quốc-văn, phân giải vì quốc-văn, cổ động vì quốc-văn, thương vì quốc-văn, khóc vì quốc-văn, vui vì quốc-văn, mừng vì quốc-văn, phàn nàn vì quốc-văn, mong mỏi vì quốc-văn, tự hồ ra tuồng tranh nhau, đua nhau, kể nặng người nhẹ, chùn vai nằng đỡ gánh vác, để gây dựng cho chồi Hồng mần Lạc chúng ta về sau này một nền quốc-văn hoàn-toàn vô khuyết như các nước vậy. Hội Quảng-Tri ở Vinh chúng tôi, cũng có một phần trách-nhiệm vào đó, có trích tâm được lịch-sử của một nhà quốc-văn đại-danh-gia tức là Nguyễn-Du tiên-sinh, trước-giả-truyện Thuý-Kiều, các viên trong hội có uỷ cho tôi phải phiên dịch để công truyền ra cho cả quốc-dân ai cũng được biết sự tích của một vị quốc-văn-công-thần.

1. — Quê quán của tiên-sinh

Tiên-sinh người Tiên-diên, huyện Nghi-xuân, tỉnh Hà-lĩnh. Ở thành phố Vinh xuống Bến-thủy, qua đò sông Lách (sông cả) từ đấy đi khỏi sáu ki-lô-mét thì đến làng tiên-sinh ngay. (xem bản đồ ở trang sau).

(1) Bài này của ông Phó-bảng Phan-sĩ-Bàng soạn, để diễn thuyết ngày 20 Janvier 1924 tại hội quán hội Quảng-Tri, Vinh.

2. — Niên mạnh của tiên-sinh

Tiên-sinh sinh năm Ất-dậu niên hiệu Cảnh-hưng đời Hiền-tôn Hậu-Lê, sau Thiên chúa giáng sinh 1765, ngày tháng sinh thì di thất, không thấy truyền lại. Muốn biết thân-thể và tâm-sự của tiên-sinh sau lại ra thế nào, thì thử xem từ năm sinh của tiên-sinh, mà cũng đã đủ hiểu rằng: Tiên-sinh là một người « sinh bất phùng thời » vậy.

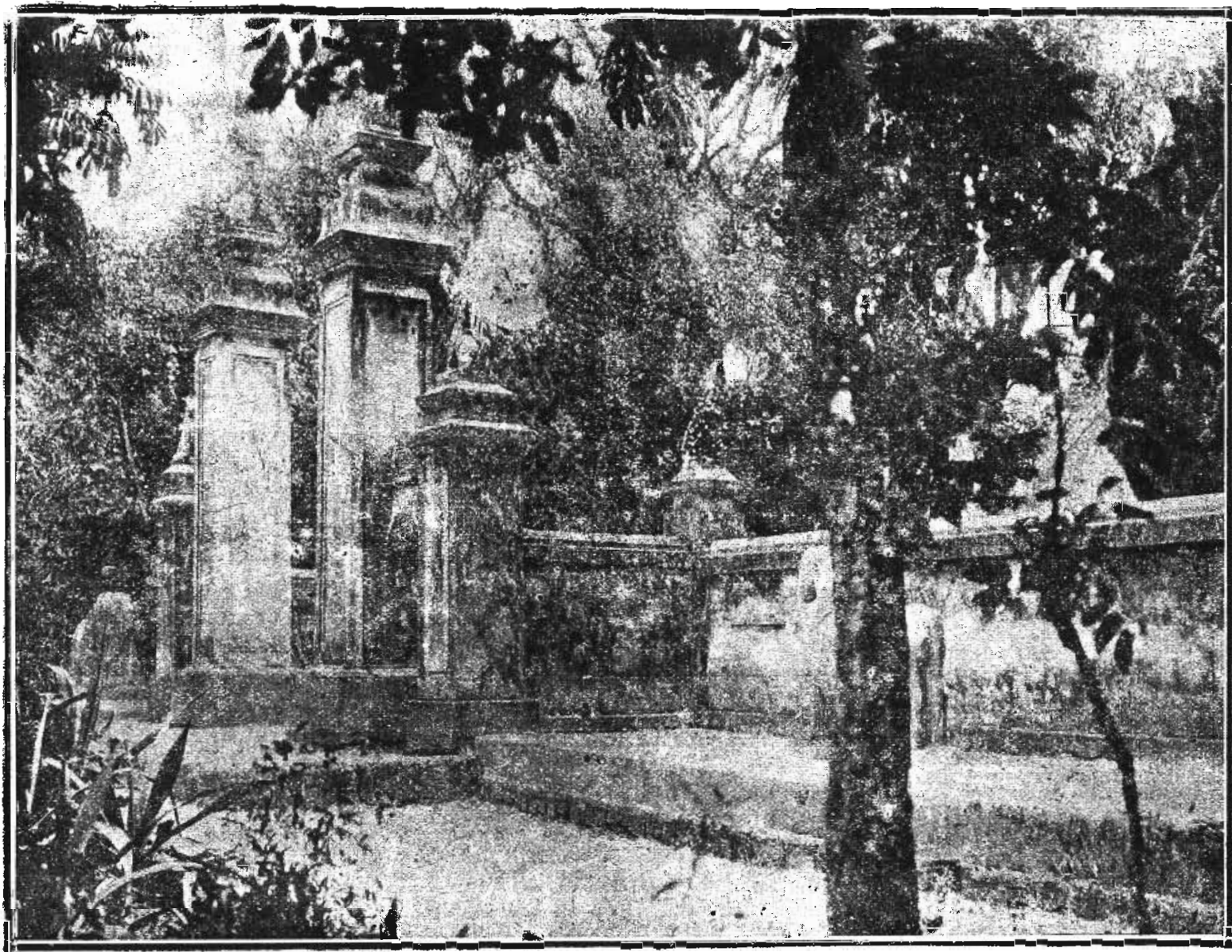
3. — Gia thế của tiên-sinh

Từ thất-thế-tổ của tiên-sinh là ông Nam-dương-công về trước, nguyên người ở làng Canh-hoạc, huyện Thanh-uy, tỉnh Sơn-nam (bây giờ là Hà-dông) có tổ là ông Nguyễn-Thuyến (阮倩) đậu Trạng-nguyên Mạc về khoa nhâm-thìn niên hiệu Đại-chính, sau Mạc mất ngôi, ngài quy-thuận với Lê, làm quan đến lại-bộ thượng-thư đông-các đại-học-sĩ, phong tước là Thư-quận-công.

Đền đời ông Nam-dương mới vào xứ Nghệ-an, phủ Đức-quang (bây giờ là tỉnh Hà-tĩnh, phủ Đức-thọ) bốc cư ở làng Tiên-diên, huyện Nghi-xuân.

Từ đó về sau, đến ông Trung-cần-công là thế lục thứ sáu, trung gian cũng có ông võ nghệ giỏi, đánh giặc có quân-công, được thăng chức Phù-hương-bá, tức là ông Bảo-lộc phong-công (保祿封公) tên húy là Thể (體); lại có ông văn-chương hay, thi hương đậu tam trường đã từng làm mặt tân với quan tỉnh trấn, có tiếng tăm lừng lẫy, được cử làm quan, nhưng ngài không chịu, cứ khăng-khăng xin về thị-dưỡng, ngài tức là Lĩnh-nam-công tên húy là Quỳnh (瓊).

Ông Trung-cần-công là cụ thân-sinh của tiên-sinh, sinh đời Dụ-tôn Vĩnh-thịnh năm thứ tư (1709) tên húy là Nghiễm (儼) hiệu là Nghị-hiền, lại có biệt hiệu là Hồng-ngư Cư-sĩ; mười sáu tuổi thi hương đậu tứ trường. (cử-nhân) Hai mươi bốn tuổi thi hội đậu trúng-cách, thi đình đậu nhị-giáp tiến-sĩ. Khi đã đậu rồi ra làm



Miếu thờ cụ Trung-cần-Công, thân-phụ cụ Nguyễn-Du, vừa rộng vừa lắm cây nên không chụp được toàn bức, đây chỉ thấy phía cửa trước, còn miếu thì mờ-mờ ở bên hữu mà khuất cây.

quan, ngài có bài phú ứng chế: Khổng-tử mộng Chu-công (孔子夢周公) làm bằng quốc-âm sao lục ra sau.

Trong bài phú ấy tuy cũng có chữ chưa được thanh-thoát, nhưng cũng nhiều câu hùng-kinh lực-lượng, khi-tượng lớn lao, những tay tầm-thường chường-cú có thể cầm bút không viết nổi. Từ cụ Trung-cần-công ngài đã gia lâm trau chuốt quốc-văn như thế, chắc lẽ rằng trong gia-đình con cháu, ai cũng theo đòi tập luyện, có gia-học uyên-nguyên như thế, cho nên về sau mới có được một áng quốc-văn không-tiền tuyệt-hậu như truyện Kiền vậy.

Cụ sau làm quan đến đại-tư-dồ, xuất tướng nhập tướng, công danh lừng lẫy gần hai mươi năm, ai đã có đọc quốc-sử chắc cũng phải biết đến cụ. Sách của cụ trước-tác ra cũng chẳng hiếm gì, như những tập: « Quân-trung-liên-vịnh, Xuân-đình tạp-vịnh » (軍中聯詠春亭雜詠) lại có một pho « Việt-sử bị-lãm » (越史備覽) rất là bổ ích cho quốc-sử mình, nhưng chẳng may thất truyền, tiếc thay.

Bài vai với cụ, lại có một ông anh đầu, Nguyễn-Du tiên-sinh gọi bằng bác, tức là Tuấn-triết-công tên là Nguyễn-Huệ (德), cũng đỗ đồng-tiền-sĩ.

Bài vai anh em với tiên-sinh, tức là con cụ Trung-cần-công, tất cả có mười hai người, tiên-sinh về hàng thứ bảy, anh em quý-hiền cũng nhiều, nhưng mà danh tiếng hơn cả, thì chỉ có ông Nguyễn-Khản (侃) là anh đầu tiên-sinh, đỗ đồng-tiền-sĩ làm quan đến Tham-tụng, đồng thời với cụ Trung-cần-công, lúc bấy giờ vua Hiền-tôn có cho bốn chữ đại tự: Nhị Thân phụ tử (二申父子).

Nói tóm lại, thì họ Nguyễn Tiên-điền là một họ cự-tộc con hiền cháu thảo, thi-thư khoa-hoạn nổi đời, cụ Nguyễn-Nghiêm, cụ Nguyễn-Khản, đã nói trên kia, là những người sự nghiệp lớn lao, có danh tiếng trong sử sách, còn có nhiều những người khác nữa, hoặc hương-cống, hoặc tam trường, hoặc văn-danh lừng lẫy, hoặc khi-tiết tự-cao

tôi không có thể kể xiết được, xem như câu ca dao :
« Khi nào ngàn Hồng hết cây, sông Rum hết nước, họ này
hết quan » thì đủ biết.

4. — Lịch-sử và hành-trạng của tiên-sinh

Tiên-sinh tên húy là Du (攸), tự là Tố-như (素如) hiệu là Thanh-hiên (清軒), được tập ấm của cụ Trung-cần-công, hàm là hoảng-tin đại-phu, chỉ thụ trung-thành-môn vệ-úy, (弘信大夫祇授中城門衛尉) khi còn bé đáng-dấp khôi-ngô, có ông bạn cụ Trung-cần-công là Việc-quận-công tức là Hoàng-ngũ-Phúc xem tướng lấy làm lạ, có tặng cho một thanh bảo-kiếm; lên sáu tuổi học võ dạ, xem đầu nhó dấy, mười chín tuổi thi hương tại Hà-nội đầu ba trường, khi còn bé cụ Trung-cần-công đem tiên-sinh cho một ông quan môn thuộc của cụ làm con, ông quan ấy làm chức Hùng-hậu-hiệu Chính-thủ-hiệu (雄後號正守號) ở Thái-nguyên, về sau ông ấy mất không có con giai, tiên-sinh được tập chức ấy. Tiên-sinh là rể cụ Đoàn-nguyên-Thực người Sơn-nam (bây giờ là Nam-định) trong lúc Tây-son cướp Lê, vua Chiêu-Thống qua Tàu, tiên-sinh theo ngự giá không kịp, trở về quê vợ, rủ rập những người hào-mục trong xứ ấy, lo lường khôi phục, đề báo ơn cho nhà Lê, nhưng không được toại chí, phải trở về quê nhà, lại toan mưu vào Gia-định, theo đức Cao-hoàng, cũng một ý như thế, nhưng cũng không may, võ sự ra, Trấn-tướng Tây-son là Thân-quận-công bắt được, phải giam hai tháng mới được tha, tiên-sinh vừa giận vừa buồn, về nhà chỉ lấy sơn thủy làm vui, lập-hộ điều-đồ làm bạn, vì thế cho nên có biệt hiệu rằng : Hồng-son lập-hộ, Nam-hải điều-đồ (鴻山獵戶南海釣徒) Năm Nhâm-tuất (Gia-long nguyên niên 1802 đức Cao-hoàng khai quốc, ngự giá ra Nghệ-an, tiên-sinh xin yết kiến, nhân theo ngự giá ra Bắc, được bổ làm tri-huyện Phù-dung (Nam-định) trong năm ấy, lại được

thăng làm Tri-phủ Thường-tín. Năm Gia-long nhị niên Bắc-sứ qua sách phong, lại được phụng mạng qua trấn Nam-quan tiếp sứ, trong lúc nghinh-tiếp và tiễn tống Bắc-sứ, những thi-từ giao-thiếp, đều một tay tiên-sinh soạn tác cả; năm Ất-sửu tứ niên, được thăng làm Đông-các Đại-học-sĩ, rồi phụng triệu phó Kinh, năm Kỷ-ty được bổ ra làm cai-bộ ở Quảng-bình, cũng như chức Bổ-chánh bây giờ.

Ở đây bốn năm, việc quan giản-dị, dân trong hạt đều thán ái cả, năm Quý-dậu thăng làm Cần-chánh-diện học-sĩ, lại phụng triệu hồi Kinh; trong năm ấy vừa lần tuế-cống, được khâm-mạng đi sứ Tàu năm sau mới trở về. Trong lúc qua Tàu, tương truyền Tiên-sinh có đến thăm chỗ làm đồ sứ (bát, đĩa, ấm, chén vân vân) nhân có thấy một bộ đồ trà vẽ mai hạc, người thợ ở đây, xin tiên-sinh đề vào đó một câu gì bằng quốc-âm để làm kỷ-niệm, tiên-sinh đề ngay rằng: « Nghêu-ngao vui thú yên hà, mai là bạn cũ hạc là người quen. » Cái đĩa và chén vẽ ấy, hiện nay tôi đã tìm được, và đương trân tàng đó, để làm một cái khí dụng, hoặc khi các nhà khảo cổ có cần dùng đến chăng.

Năm Ất-hợi được thăng làm Lễ-bộ Hữu-tham-tri, đến năm Canh-thìn đức Minh-mệnh lên ngôi ngự bút đặc sai tiên-sinh làm Cầu-phong chánh-sứ, nhưng chưa kịp đi, tiên-sinh đã cảm bệnh, rồi đến ngày mồng mười tháng tám năm ấy, (Minh-mệnh nguyên niên: 1820) mất ngay tại Kinh-đô, lúc mất tuổi mới năm mươi sáu, đức Minh-mệnh lấy làm thương tiếc quá, cho tiền tử-tuất ngoại, lại có cho vàng hai mươi lạng, gấm vóc hai tấm, sập vàng 30 cân, dầu thắp 300 cân và cho thụy-hiệu là Trung-thanh (忠清).

Khi ấy kinh quan có những câu đối phúng như sau này:

Nhất đại tài-hoa, vi sứ vi khanh sinh bất thiêm,
Bách niên sự-nghiệp, tại gia tại quốc tử do vinh.

一代才華爲使爲卿生不忝
百年事業在家在國死猶榮

Nghĩa là : Tài-hoa một bức ai tày, làm sứ làm khanh.
sinh chẳng phụ.

Sự-nghiệp trăm năm để lại, ở nhà ở nước
thác còn vinh.

Nhất viện cầm tòn nhân ký khứ,
Đại gia văn-tự thế không truyền.

一院琴樽人既去
大家文字世空傳

Nghĩa là : Một viện sách đàn người đã khuất,
Dòng nhà văn-tự thế còn truyền.

5. — Phần mộ cụ Nguyễn-Du

Lúc cụ mất còn không tống chửa kịp đưa linh cữu về quê nhà, nên tạm táng tại địa phận xã An-ninh, huyện Hương-trà, tỉnh Thừa-thiên. Đến tháng năm, năm Giáp-thân ~~Kiến-phúc nguyên niên~~ (1884) người con thứ hai là Nguyễn-Ngũ mới rước di hài về yên táng tại chỗ đất gần bên từ-đường.

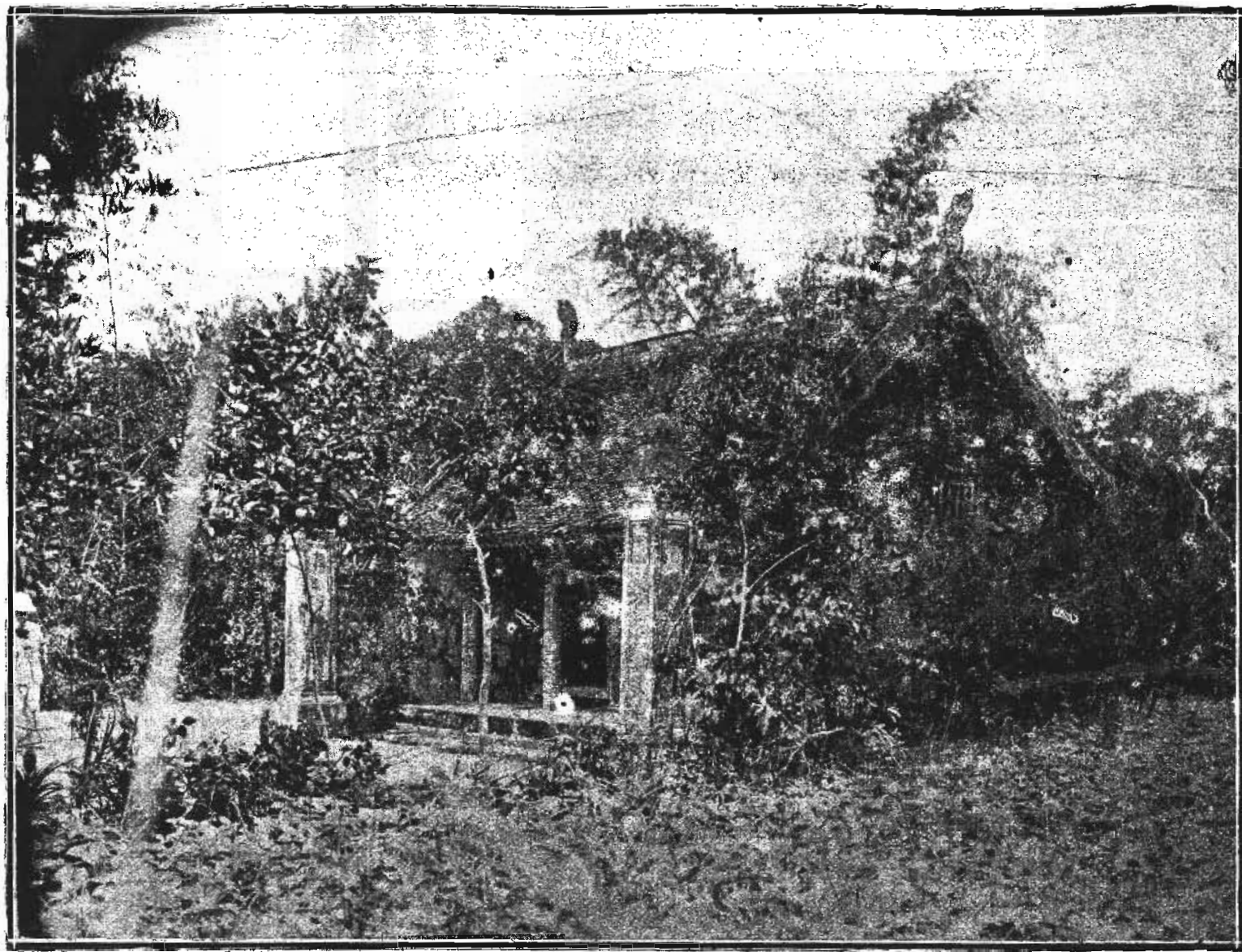
Phần mộ nay xem ra thực là tiêu điều, một nấm đất cao không quá đầu gối, cỏ mọc xanh om, xung quanh cây cối sâm uất, khiến khách qua đường, tới đó bằng điếu, ai cũng phải búi-ngùi cảm-cảnh. Kỳ tháng tư năm ngoái, các hội-viên hội Quảng-Tri ở Vinh mở cuộc du lịch tới chiêm bái lăng miếu của cụ, nhân có chụp mấy bức ảnh xin phụ đính ra sau để các đồng nhân ở xa được mục kích cái hoang-trúng của một người thi-sĩ nước ta, mà nhắc lại cái cảm hoài của một mảnh linh-hồn quốc-văn vậy.

Ôi! nghĩ cũng ngán lắm thay. Lúc mình chưa thân lịch tới nơi, nghe nói gia thế cụ như vậy, danh tiếng cụ lừng lẫy khắp trong Nam ngoài Bắc như vậy, thì những tưởng chỗ thu-linh của cụ đầy ắp hẳn nguy nga tráng lệ, đáng cho người tã hằng ngày tới du



Mộ cụ Nguyễn-Du

Những người ngồi chung quanh là các cậu học-sinh trường Trung-học Vinh, nhân ngày lễ Pentecôte (20 Mai 1923) được nghỉ, tới viếng mộ và miếu cụ, chung quanh mộ hai phía có tre tốt, còn hai phía cây gai thắp la-đa. Mộ đắp đất cát pha, hình chữ nhật bán khối, bề cao từ đất lên ước được bốn tấc tây, bề rộng chín tấc, bề dài một thước ba tấc.



Nhà thờ cụ Nguyễn-Du cách mộ cụ ước chừng hai trăm thước tây.

lịch, đoàn năm lữ bảy mà thường ngoạn một cái quang cảnh rục-rỡ hiếm có. Dầu rằng lúc sinh tiền cụ không ưng những sự hoa-lệ thì nay không nên làm trái ý cụ. Nhưng mà nghĩ lại cái tài-hoa cụ như thế, văn-chương cụ như thế mà nếu ở nước khác thì đã tượng đồng, bia đá, đài kỷ-niệm, ảnh truyền-thần. Còn ở nước ta thì ngoại cổ xôi con gà, cây hương bát nước của con cháu dâng lên, chẳng có chút gì gọi là một tí biểu hiệu của quốc dân kỷ-niệm. Cái cách người ta đối với văn-sĩ lạnh nhạt như thế còn trách sao quốc-văn ta không phát đạt.

6. — Con cháu cụ Nguyễn-Du

Trên kia tôi đã nói tiên thế cụ Nguyễn-Du đã nhiều đời hiền đạt mà anh em cụ cũng lắm kẻ văn hay võ giỏi, thế mà con cháu cụ thì không được hiền hách mấy. Cụ sinh hạ được mười hai người con trai và bảy người con gái. Người con trai đầu tên là Tứ (四) lúc cụ đi sứ Tàu có đi theo, người con trai thứ hai tên là Ngũ (五) giỏi nghề võ, còn những người khác thì ly cư ở Bắc và ở Kinh, không rõ là ai. Nay có người cháu tam đại tên thường là cụ Tời, tuổi đã ngoại sáu mươi, học chữ nho thông, làm thơ nôm giỏi, nhưng không đậu đạt gì, mà gia-kế rất là quẩn bức, ông cụ Tời đã có cháu, vậy thì từ cụ Nguyễn-Du trở xuống đã có năm đời người rồi.

Trong họ Nguyễn Tiên-diễn, về chi cụ Trung-cần-công (thân sinh cụ Nguyễn-Du) thì nay có phần suy kém, chỉ về chi cụ Nguyễn-Trọng là em cụ Trung-cần-công thì có một người cháu ngũ đại là ông Nguyễn-Mai, đậu Tiến-sĩ năm Giáp-thìn (1904), đậu rồi ở nhà không đi làm quan. Ngài cũng có tiếng hay nôm.

7. — Học vấn và văn nghệ cụ Nguyễn-Du

Tiên-sinh học rộng, kiến thức nhiều, võ nghệ binh thư, cầm kỳ thi hoạ đều giỏi cả. Buổi trẻ tính hay xem sách, xem đâu nhớ đó, cho nên sách gì cũng xem đến mà việc gì cũng biết. Ngoài những kinh truyện, sử ký, lại xem nhiều sách ngoại và tiểu-thuyết, cho đến sách Phật, sách địa-lý đều tinh thông cả. Đương thời đã

trú danh là một nhà thi-sĩ tối cao, cho nên lúc bấy giờ có tiếng « An-nam ngũ tuyệt » (安南五絕) mà cụ và cháu gọi bằng chú là Nguyễn-Hành (阮衡) tiên-sinh đã dự phần đợc hai người.

Cụ thụ nghiệp với ai chưa rõ, (có kẻ nói cụ học với cha anh trong nhà) còn sinh tiền thời giao du với những người đương thời có tiếng học vấn uyên bác như hai anh em cụ Thám-hoa xã Trường-lưu là Nguyễn-huy-Oánh (阮輝輦) và Nguyễn-huy-Khải (阮輝駭). Mỗi khi thư tín vãng phục chữ Hán có, chữ Nôm có. Tôi xin lục ra sau này một bài văn của cụ Nguyễn-Du phúc lại cho cụ Nguyễn-huy-Khải để đọc giả xem cho biết buổi ấy các cụ cũng sinh thư từ bằng tiếng nôm cho nên văn chữ hán hay đã đành mà văn nôm cũng lão luyện.

Đương buổi cụ làm quan ở Kinh, khi thông-thả lại có dạy học trò, như cụ Trương-dăng-Quế, Nguyễn-dăng-Khải, những người danh thần đó điều là cập-môn với tiên-sinh cả.

Sách vở của tiên-sinh trước tác ra cũng nhiều, như bộ: Thanh-hiên tiền-hậu-tập, Nam-trung tập-ngâm, Bắc-hành tập-lục, Lê quý-kỷ-sự, vãn vãn. (清軒前後集, 南中雜吟, 北行雜錄, 黎季紀事.) Những các hiệu sách đó, chúng tôi hiện đương sưu tầm, cũng đã thấy đợc một vài bản, như tập Nam-trung tập-ngâm thì chúng tôi đã từng đợc đọc rồi (tôi sẽ có trích lục năm ba câu ở sau này) ngâm ra thiệt có một cái phong-thú đặc-biệt, tinh-tinh cao-thượng, không phải như những nhà thi gia khác.

Đó là nói về phần trước tác ở trong hán-văn, còn về phần việt-văn, thì trừ truyện Thủy-Kiều ngoại, hãy đương còn những các bài giai-tác khác nữa, như những bài văn tế Thập-loại chúng-sinh mà tôi lục đợc sau bài này đều là những hạng văn hiện bấy giờ người trong xứ đương còn truyền-tụng. Còn có bài văn sinh tế Trường-lưu nhị nữ, cũng tương truyền là của cụ, xét ra văn lý nhiều câu tài tình, nhưng có lắm đoạn không đợc chải chuốt, nên chưa quả, không dám đợc.

8. — Tinh-tình và tâm-sự của tiên-sinh

Tiên-sinh tỉnh người khiêm cần, không hay khoe-khoang, tuy làm quan đến Á-khanh, mà trong nhà vẫn tầm thường như một người hàn-sĩ. Trong bụng vẫn tự-phụ mà bề ngoài xem như không, ít hay nói; lúc làm quan, mỗi khi tấn kiến, xem như bộ sợ hãi lắm, không biết nói năng gì cả, vua thường bảo rằng: «Nhà nước dùng người cốt vị kẻ hiền. Nam Bắc cũng không khác gì nhau, nhà người làm quan đến Á-khanh, cũng đã tri-ngộ rồi, có biết điều gì nên nói, hết chức-phận của mình, không nên rụt rè sợ hãi, cứ dạ dạ, vâng vâng như thê.»

Tinh-tình của ngài như trên kia đã nói đó, là cứ theo trong liệt-truyện chép, còn lấy ý riêng của tôi mà suy đoán, thì tiên-sinh lại là một người đa tình, đa cảm, thường có một mối sầu ở trong mình luôn, hề đụng đến những cảnh gì hay sự gì có hơi bi muộn thời mối cảm-tình ấy phát lộ ra ngoài ngay.

Tôi xin trích những câu thơ của ngài như sau này :

知 交 怪 我 愁 多 夢

Tri giao quái ngã sầu đa mộng,

天 下 何 人 不 夢 中

Thiên hạ hà nhân bất mộng trung.

Nghĩa là: Đừng trách ta đây hay mộng tưởng,

Cuộc đời ai cũng giấc chiêm bao.

Bài thơ đề ở vườn cũ của ông Liễu-tử-Hầu có câu này :

壯 年 我 亦 爲 才 累

Tráng niên ngã diệc vi tài lụy,

白 髮 秋 風 空 自 嗟

Bạch phát thu phong không tự ta.

Nghĩa là: Vì tài nên phải đeo sầu,

Tóc xanh cho đến bạc đầu chưa tha.

Lời văn tiêu sất của ngài như thế, thiệt là nhiều lắm, không có thể kể xiết được, chẳng những phát lộ ra ở trong truyện Kiều mà thôi. Thế thời ngài là một người vẫn có tính hay sầu, mà lại sinh vào buổi loạn lạc, gặp nhiều những cảnh sầu, phải làm những điều bất đắc dĩ, cho nên cái khối tình sầu của ngài cứ đeo đẳng mãi với thân thể của ngài, cho đến lúc lâm chung cũng còn chưa hết, xem như lúc ngài mất có câu khẩu-chiêm như thế này thời đủ biết:

不 知 三 百 餘 年 後
Bất tri tam bách dư niên hậu.

天 下 何 人 泣 素 如
Thiên hạ hà nhân khấp Tố-Như.

Nghĩa là : Ba trăm năm lẻ qua rồi,

Trên trần biết có còn ai khóc mình.

Ôi ! học-thức như tiên-sinh, binh-thư biết, võ-nghệ hay, thực là có tài kinh luân tế-thế, trong lúc làm quan, 3 lần được kén vào sứ tuyền, nói về tài ngoại-giao cũng là lỗi hơn trong đời đó; vừa gặp đức Gia-long thì bỏ ngay làm Tri-huyện, chẳng bao lâu mà quan đã đến Á-khanh, gặp gỡ như thế, lẽ ra nên hết lòng hết sức, đem tài mình mà tri-sinh với đời; tiên-sinh vẫn biết như thế, nhưng bực vì một nội tổ-tiên, cha ông, anh em, đều thần tử nhà Lê cả, tiên-sinh tuy chưa làm quan Lê, nhưng ăm-thụ xuất-thân cũng của nhà Lê, mấy đời chung đỉnh của họ Nguyễn Tiên-diễn là của Lê, mấy đời hoa bào trâm hốt của họ Nguyễn Tiên-diễn là của Lê, biển ngự tứ : «Phúc khánh vĩnh tụy và Nhị thân phụ tử» (福慶永綏 二申父子) dấu cũ của tiên-vương nhà Lê còn đó, cho đến bản thân tiên-sinh, tuy chưa hưởng lộc Lê nhưng cũng đã vương nợ Lê, thân tiên-sinh lúc bấy giờ đối với nhà Lê, chẳng khác gì như một cô con gái đã lỡ lời giao-ước với một người tình chung vậy. Tiên-sinh ở thời bấy giờ, tuy không còn nhà Lê nữa, nhưng

mắt vẫn trông thấy bóng nhà Lê, tai vẫn nghe tiếng nhà Lê, lòng vẫn dan-diu khăng-khít với nhà Lê, đã từng một hai lần đồ mưa khôi-phục, để báo ơn cho nhà Lê, nhưng giới chẳng chiều người, việc sai với dạ, đã không làm được như Tử-Phòng với Khổng-Minh, lẽ nào mà lại nở lòng như Phùng-Đạo với Hồ-Quảng, câu : Trung thần bất sự nhị quân, liệt nữ bất canh nhị phu (忠臣不事二君烈女不更二夫) bình nhật tiên-sinh đã từng thuộc lấy làm lòng, cho nên trong lúc cảm tác có những câu như thế này :

漢 末 一 辰 無 義 士

Hán mạt nhất thời vô nghĩa sĩ,

周 初 三 紀 有 頑 民

Chu sơ tam kỉ hữu ngoan-dân.

Nghĩa là: Vận Hán lúc cùng không nghĩa-sĩ,
Nền Chu mới dựng có ngoan-dân.

但 得 岐 山 聖 人 出

Đãn đắc Kỳ-sơn thánh nhân xuất,

伯 夷 雖 死 不 違 仁

Bá-Di tuy tử bất vi nhân.

Nghĩa là: Những ước non Kỳ sinh Chúa Thánh,
Bá-Di tuy thác cũng là nhân.

Lại có câu đề miếu Hoài-âm như thế này nữa :

推 食 解 衣 難 倍 德

Thôi thực giải y nan bội đức,

藏 弓 烹 狗 亦 甘 心

Tàng cung phanh cầu diệc cam tâm.

Nghĩa là: San cơm sẻ áo ơn nên nhớ,
Giết chó treo cung dạ cũng đành.

Tiên-sinh vẫn là một người có khí-tiết, lấy trung-nghĩa làm trọng, mà lấy lợi-lộc làm khinh, lúc Lê đã

mất rồi, cũng toan vui cùng non nước, lấy thú ngư-lạc làm khuây, như thế là trót đời, không còn có lòng dụng thế nữa. Đến lúc đức Cao-hoàng lên, lại bị trung triệu, ép buộc ra làm quan, từ mãi không được, thế bất đắc dĩ mà phải xuất đầu, như thế là tiên-sinh cũng lấy làm uất-ức khổ tâm lắm.

*Cũng liều nhắm mắt dòi chân,
Mà xem con tạo xoay vần đến đâu.*

Thế thì tiên-sinh tuy ra làm quan, nhưng cũng là bất đắc dĩ, mà lại có ý lấy sự ấy làm xấu hổ trăm chiều, thương thầm xót vắng nữa.

Cho nên trong khi tại triều, mỗi lúc bệ kiến, chỉ rụt-rụt rè-rè như không biết nói, là tiên-sinh không muốn nói, chớ không phải không biết nói, chỉ dạ dạ vâng vâng không có làm việc gì, là tiên-sinh không muốn làm, chớ không phải không biết làm, xem như thế thì tiên-sinh mà phải ra ứng-triệu làm quan đó, một là để mà tị hiềm, hai nữa là trên cửu-trùng thấy tiên-sinh là phùng cố-lê-thần-tử, có ý quyến-chú, cho nên tiên-sinh cũng không nở phụ lòng.

*Nghĩ chàng nghĩa cũ tình ghi,
Chiều lòng gọi có xướng tùy mây may.*

Đương lúc Lê mạt, trung-thần nghĩa-sĩ cũng chẳng hiếm gì, như Trần-công-Bình vì mấy chữ cố-gia công-tử mà đến nổi tử-trận, ông Trần-danh-Án vì mấy chữ Lê-triều tiến-sĩ mà không chịu để-tây, đến như ông Nguyễn-Hành là cháu ruột tiên-sinh cũng vì một lẽ đó mà có Đỗ-quyên thi-tập, tâm tích của tiên-sinh khác hẳn những mấy ông ấy, sao lại bảo rằng trung được ? Tâm-sự và chí-khí của tiên-sinh cũng như mấy ông ấy, mà cảnh ngộ của tiên-sinh thời khác nhiều, trong phùng cố-gia tử-đệ, tiên-sinh lại có trọng danh hơn, cho nên bản-triều khai quốc, cứ trung-triệu lần này lượt khác, nếu tiên-sinh mà không ứng-triệu, thì có lẽ không được yên thân, và

chẳng tiên-sinh cũng đã nghĩ kĩ rồi, bản-triều hưng-quốc, lấy thiên-hạ ở Tây-son, thời bản-triều với Lê-triều không thù gì, nếu không làm quan mà có khi phải bị nguy nghi, thì chi bằng ra làm quan mà cũng chẳng mất danh tiết, tiên-sinh vẫn đã hiểu rằng :

*Chữ trung kia cũng có ba bảy đường,
Có khi biến, có khi thường,
Có quyền nào phải một đường chấp kinh.*

9. — Sự tích truyện Kiều.

Lịch-sử của cô Kiều thì chúng tôi đã tìm được một quyển tiểu-thuyết Tàu, nhan là Kim-Vân-Kiều truyện, so lại với truyện quốc âm Thủy-Kiều của mình, thì sự tích đầu đuôi giống nhau, tôi chắc rằng truyện Đoàn trường tân thanh của cụ Tiên-diên, là tự quyển Hán-văn tiểu-thuyết ấy dịch ra (1). Theo như ông Phạm-Quỳnh bản truyện Kiều trong báo Nam-phong số 30, có nói : Gần đây có đọc bộ « Ngu sơ tân chí » (虞初新志), « thấy trong truyện kể tường về lịch-sử nàng Kiều, « rồi ông đem truyện ấy mà so sánh với truyện ta, « thì truyện ta theo cái đại-ý truyện ấy' mà diễn-xuất « thêm ra ». Bảo như thế chưa chắc đã xác đáng, bởi vì bộ tiểu-thuyết này có lẽ ít lưu hành, cho nên không mấy ai đọc. Trong bài diễn-thuyết này chúng tôi không có thể dịch hết được cả pho tiểu-thuyết ấy, để công bố các đồng nhân được biết, chúng tôi cũng lấy làm tiếc lắm.

Thế thì sự tích của cô Kiều ai đã đọc quyển Kiều của cụ Tiên-diên, thì hẳn là đã biết rõ đầu đuôi rồi,

(1) Chúng tôi có sao lại một đoạn gởi cậy ông Pho là biên tập trường Bác-cổ Hà-nội đối chiếu với bản Kiều chữ Hán của thư viện Bác-cổ. Ông Pho có giả lời rằng ấy là thật bản của Tàu, ở Bác-cổ có bản biên bằng tay còn bản chúng tôi tìm được thì in bằng giấy Tàu, mà chữ khắc cũng theo dạng chữ Tàu.

không cần tôi phải làm phiền lổ tai các ngài nữa, tôi chỉ xin nói qua như sau này, gọi là có một tí bổ-khuyết về phần khảo-cổ, Cô Kiều người ở Bắc-kinh, Bắc-kinh tức bây giờ gọi là Trục-lệ (直隸). Sau lại bán cho Mã-giám-Sinh người ở Lâm-tri (臨淄), Lâm-tri thuộc về địa hạt tỉnh Sơn-dông (山東) bây giờ. Lúc ở Lâm-tri kết duyên với Thúc-Sinh, rồi bị Hoạn-Thư bắt về Vô-tích; Vô-tích thuộc về địa phận tỉnh Nam-kinh (南京) hay là Ứng-thiên (應天) đời nhà Minh; tức bây giờ thuộc tỉnh Giang-tô (江蘇). Từ đó lưu lạc mãi gặp lấy Bạc-Hạnh, Bạc-Bà mấy người ấy lại đem bán cho một nhà thanh lâu kia ở Thai-châu (台州) thuộc về địa hạt Hàng-châu (杭州) tức là tỉnh Chiết-giang (浙江) bây giờ. Ở Thai-châu lại gặp Từ-Hải (徐海), Từ-Hải là người Việt-dông (越東); Việt-dông cũng thuộc về tỉnh ấy. Các ngài thử nghĩ từ Trục-lệ đến Chiết-giang, địa thế dài có hơn 1.200 ki-lô-mét, đương lúc hoả-thuyền hoả-xa chưa có, dăm đi đường lại khó khăn, mà một thân của các buồng què kia, dãi gió dầm sương hầu khắp bốn tỉnh, như thế cũng đã lưu-lạc thiệt! như thế cũng đã giang-hồ thiệt!! ✕

Xưa nay bàn đến nàng Kiều, thời chúng khẩu ai cũng đồng-từ, không nói rằng: « Hồng-nhan bạc-mệnh » thì nói rằng: « Hữu-tại vô-duyên » nhưng cứ ý tôi thiết nghĩ, thì nàng Kiều là hậu-phúc, chớ có phải là bạc-mệnh đâu, có duyên chớ có phải là vô duyên đâu, từ ngày xưa đến nay, trong phường nữ-giới, tài-sắc như nàng Kiều, cũng chán chi người, sao mà người sau không nhắc tới, mà chỉ một cô Kiều? sao mà người sau không thương tiếc đến, mà chỉ thương tiếc một cô Kiều? Nếu cô Kiều lúc bấy giờ gia-biến không xảy ra, nhân-duyên được trọn vẹn, thì chẳng qua là phụ quý phụ vinh.

*Cầm-đường ngày tháng thanh-nhàn,
Sớm khuya tiếng hạc, tiếng đàn tiêu dao.*

Bà Phủ Nam-binh cũng đương còn kém thua nhiều họ Hoạn là Thiên-quan Trung-tể; thế thì tầm thường lắm, chẳng lấy gì mà lừng danh được đến bây giờ, là một bực tình-trình, một bực tình-hiệp, một bực anh-thư trong truyện Đoạn-trường tân-thanh này, để làm một áng văn-chương mà gây dựng cho nền quốc-văn Nam-việt.

Tôi lại thường xét nhất-sinh Thúy-Kiều, không những là thông-minh tài-bộ, hay nghề đàn lại đủ nghề văn-thi, mà lại có con mắt tinh đời nữa! xem như thoát đầu tiên vừa gặp Kim-Trọng, thì biết rằng chẳng sâu Ngọc-bội, cũng phường Kim-môn, mà lại biết mình là phận mỏng cánh chuồn, không có thể vuông tròn được. Lại như đoạn sau, đem thân vào chốn Bình-khang, trong khi giang-hồ lưu lạc, đưa trước đón sau, mà biết Từ-Hải là anh-hùng khả dĩ gửi can-trường được. Như thế là Thúy-Kiều có tuệ-nhãn.

Gặp con gia-biến, nghĩ mình phận gái, sinh thành chưa chút đền ơn, khinh tình trọng hiếu, quyết liều mình mà cứu tội cho cha, không quản gì những cuộc trăm năm, những đời sinh tử. Sắp sửa ký tờ hoa, ông bà Viên-ngoại đau lòng xót-xa, toan đem mình mà tự tận; lại biết tìm lời can-gián, lấy câu sát-thân thành-nhân mà tự-nhiệm, lấy câu minh-triết bảo-thân mà khuyên lon, lại nói rằng nếu không để việc mãi-thân chuộc-tội cho chu toàn, thì Vương-thị tôn-diêu hồng cả. Như thế không phải là đại hiếu hay sao?

Trong khi tử-biệt sinh-ly, dầu tu-mi nam-tử cũng phải thất-thố, mà nàng định-tĩnh như thường, thung-dung dặn dò, đủ cả mọi việc, đem Thúy-Vân mà nối lời với Kim-Trọng để cho khỏi phụ chữ tình; đem Vương-Quan mà kết thân với Chung-công, để cho khỏi phụ chữ đức, việc trong gia-đình một thân Thúy-Kiều chu toàn hết cả. Như thế không phải là một người con gái có tính trọng hậu mà lại biết đường lự-sự chu-mật hay sao?

Những lời giao ước, những của tư mình lúc ra đi thỏ-lộ với chị em, bộc-bạch với cha mẹ lâm vào những phường nhi-nữ tầm thường khác, có thể thẹn thùng không làm nổi; mà Thúy-Kiều quyết nhiên không giấu cha mẹ, lại dặn dò cha mẹ phải tính liệu về sau, để cho khỏi phụ tình Kim-Trọng, há không phải lòng có quang-minh, tình có chính-đại mới dám làm như thế ru? Đấy không phải là tình tình hay sao?

Trong lúc thành-thân với Mã-giám-Sinh, xem cách hành-động và cư-sử, biết Mã-qui là một đứa lái buôn, giả danh mãi-thiếp, mà kỳ thực để làm môi hàng; lỡ mắc vào vành, thác trong thà hơn sống đục, cầm dao gói áo, đã quyết chí liều mình; đến khi về nhà, Tú-bà đập đánh, mắng nhiếc, ép buộc phải học những lễ lối thanh-lâu, tức thì dở dao tay áo, xem tính mệnh như không để cho khỏi vòng sỉ-nhục. Như thế không phải là người đàn bà có lòng hiệp-liệt hay sao?

Giữa áng phong-trần, biết Từ-minh-Son là tay hào kiệt, nhận làm bạn tri-kỷ để nhờ cậy về sau; lúc Từ đã thành công rồi, mượn uy-lực của Từ đem tam-quân để nã tầm những loài phụ-bạc, rước đón những kẻ ân-nhân, giữa quàn trung, giả oán báo ơn, làm lên một trường oanh liệt. Đàn bà như thế, không phải là một bực anh-thư hay sao?

Nói tóm lại thì nhân-cách của Thúy-Kiều, con gái mà không tình nhi-nữ, đàn bà mà có tính trượng-phu, cảnh ngộ của Thúy-Kiều càng ứ-tắc thì lại càng hanh-thông, càng khắt khe thì lại càng lừng lẫy. Đào-hoành-Hải tiên-sinh làm bài Tư-đoạn-trường tân-thanh có câu rằng: Thúy-Kiều là một người thiên-cổ tuyệt-dinh-tinh-nhân, truyện Thúy-Kiều là một truyện thiên-cổ tuyệt-dinh-tinh-sự, bảo như thế cũng là phải.

10. — Câu tổng luận

Trên cõi trần, phàm những người anh-hùng hào-kiệt, tài-tử giai-nhân, phần nhiều là những người thường phải khốn-cùng ứ-tắc, đã phải khốn cùng ứ-tắc thì thường hay khảng-khái bi-ca, trong lúc khảng-khái bi-ca đó, thì lại hay tìm những người khác đồng-thời hay dị-đại với mình, mà cảnh-ngộ như mình, và tâm-sự như

mình đó, để làm khách-động, mà tự lấy mình làm chủ động; lấy người đồng-thời làm khách động, thì khuấy với nhau, chén tạc chén thù, câu xướng câu hoạ, để mà thổ lộ tâm sự với nhau: tức như đời Tấn hội Lan-đình; Vương-hi-Chi làm chủ, mà lấy những người đương thời như ông Tạ-An, Lưu-Linh làm khách. Còn lấy người Di-đại làm khách, thì lại lấy ngọn bút và văn tâm của mình, để mà tả cái lịch sử của người ấy lên trên bài phú, bài ca, hay cuốn truyện, vẽ tâm sự của người ấy là để mà phát lộ tâm sự của mình; tức như bài phú điệu Khuất-Nguyên trong lúc bị trích ở Trường-sa, ông Giả-Nghị làm chủ, mà quan Tam-lư đại-phu làm khách. Cô Thúy-Kiều và cụ Nguyễn-Du hai vị khách chủ ấy, cũng chẳng khác gì thế; cô Thúy-Kiều là người tài sắc, mà bắt phải phong trần; Cụ Nguyễn-Du là bậc tài hoa, mà lại chịu trầm khuất; cô Thúy-Kiều là phường/trinh-nữ, không nên đời hai chồng, vì cảnh ngộ mà phải giang giở, cụ Nguyễn-Du là người trung-thần, không nên thờ hai vua, vì cảnh ngộ mà phải lữ làng, cụ Nguyễn-Du là người tác truyện, tìm trong cổ nhân, được khách như cô Thúy-Kiều để làm tri-kỷ, cô Thúy-Kiều là người đương-kịch, về sau thiên-cổ được chủ như cụ Nguyễn-Du để làm tri-âm; cô Thúy-Kiều có ngọn bút của cụ Nguyễn-Du mới lưu truyền được danh tiếng, cụ Nguyễn-Du có bản tuồng của Thúy-Kiều, mới nhân đó vẽ vời ra mà thổ lộ được tâm sự của mình, cho đến về sau này, cũng vì lời than tiếng thở của ông chủ là cụ Nguyễn-Du đối với người khách là cô Thúy-Kiều, mà bây giờ quốc-văn mình mới có cơ-sở được.

11. — Công cụ Nguyễn-Du đối với quốc-văn An-nam.

Nói về quốc-văn thì đời trước không biết thế nào, sử sách không thấy chép lại, xét trong quốc-sử thì chỉ thấy rằng: về đời vua Nhân-tôn nhà Trần có ông

Hàn-Thuyên có tiếng hay quốc-âm thi-phú. Nhưng bây giờ muốn trích tầm những di-cảo của ngài thì cũng không có dấu vết gì nữa; tôi thường khảo cứu về cội rễ quốc-văn, thì chỉ thấy đời nhà Trần có bài thơ « bán than » của ông Trần-khánh-Dur là xưa hơn hết, và bài thơ của vua Trùng-quang-Đế tiền ông Nguyễn-Biến đi sứ Tàu là thứ hai.

Bài thơ bán than như thế này :

*Một gánh cần khôn quấy tẽch ngàn,
Hỏi rằng chi đó dạ rằng than.
Ít nhiều miễn được đồng tiền tốt,
Hơn thiệt nài chi gốc củi tàn!
Ở với lửa hương cho vẹn tiết,
Thử xem vàng đá có bền gan.
Thấy nghề lem-luốc toan nghề khác,
Chỉ sợ dân đen lắm kẻ hàn.*

Bài thơ của Trùng-quang-Đế như thế này :

*Mấy vần thơ cụ ngượng hoàng hoa,
Trân-trọng rầy nhân mở khúc ca.
Chiếu phượng vài hàng tơ cặn-ke,
Vó câu ngàn dặm tuyết xông-pha.
Tang bồng đã bắm lòng khi trẻ,
Khương quế thêm cay tính tuổi già.
Việc nước một mai công ngõ vẹn,
Các-Lân danh tiếng gọi lâu xa.*

Đến đời nhà Lê thì quốc-văn đã có khí phát đạt, những danh-thiên kiệt-tác đương lúc bấy giờ như: Nguyễn-Trãi gia-huấn (阮 廡 家 訓) Hồng-dức thi-tập (鴻 德 詩 集) Thiên-nam thi-tập (天 南 詩 集) Bạch-vân-am thi tập (白 雲 庵 詩 集) v. v... đều là những áng văn-chương bây giờ còn đương lưu truyền cả; nhưng đó là những hạng văn một vài thiên, dăm bảy câu, nhất-thời ngâm-vịnh cảm-tác cũng đương sơ sai mọc mạc chưa lấy gì làm hoàn-toàn và siêu-tuyệt được.

Đến cụ Nguyễn-Du làm ra truyện Thúy-Kiều, lúc bấy giờ quốc-văn mới có khí-sắc. Truyện Thúy-Kiều tức là văn tiểu-thuyết; trong truyện câu nào cũng trên sáu chữ, dưới tám chữ, tức là lối văn thượng lục hạ bát; lối văn ấy là một lối văn đặc-biệt của nước mình, phát-hiện ra không biết từ đời nào, nhưng từ xưa đến nay, phàm những câu ca-dao trong nước theo lối ấy cả. Lối văn truyện Kiều chắc cũng tổ theo đó, ông Hà-tôn-Quyền dẫn chứng trong Kinh-dịch như câu: « Lục tam hàm chương khả trình, hoặc tòng vương sự vô thành hữu chung » lại dẫn chứng trong Tống-sử có câu: « Để dĩ Thái-xác hữu công, sử chi tòng tự Thần-Tông miếu đình », mà bảo rằng lối văn ấy theo trong kinh-sử mà cấu tạo ra, thì chắc là không phải.

Xem truyện Kiều thì tưởng ai cũng bảo rằng văn truyện Kiều là một lối văn tả-chân giỏi, chẳng khác gì như một người hoạ-công vậy. Cảnh buồn thì tả ra buồn, cảnh vui thì tả ra vui, lúc khốn nạn thì tả ra cảnh khốn-nạn, lúc vinh-hoa thì tả ra cảnh vinh-hoa, người anh-hùng thì tả ra vẻ anh-hùng, người điên-đảo thì tả ra vẻ điên-đảo, cho đến người giang-hồ cũng tả ra vẻ giang-hồ; bình luận như thế, cũng đã đúng rồi, nhưng tôi lại thiết nghĩ rằng: Văn truyện Kiều không những là giỏi về lối tả-chân mà thôi, sử-bút cũng tài mà nghị-luận cũng cao; như đoạn khỉ bút chép Thúy-Kiều có những câu:

*Rằng năm Gia-lĩnh triều Minh,
Bốn phương phảng-lặng hai Kinh vừng-vàng,
Có nhà Viên-ngoại họ Vương,
Gia-tư nghĩ cũng thường-thường bực trung,
Một trai con thứ rất lòng,
Vương-Quan là chữ nổi dòng nho-gia,
Đầu lòng hai ả tổ-nga,
Thúy-Kiều là chị em là Thúy-Vân,*

Chép Thúc-sinh có những câu :

*Khách du bông có một người,
Kỳ-tâm họ Thúc cũng loài thư-hương,
Vốn người huyện Tích châu Thường,
Theo nghiêm-đường mở ngôi hàng Lâm-tri,*

Chép Từ-Hải có những câu :

*Đội trời đạp đất ở đời,
Họ Từ tên Hải vốn người Việt-đông.
Giang-hồ quen thú vầy-vùng,
Gươm đàn nửa gánh non sông một chèo.*

Xem như mấy đoạn đó, bút-pháp giản dị, tự sự có đầu đuôi, có lai-lịch và có căn-cước phân-minh, không phải có tài sử-bút hay sao ?

Lại như câu tổng mạo truyện Kiều mở ra đầu hết :

*Trăm năm trong cõi người ta
Chữ tài chữ mệnh khéo là ghét nhau.*

và như câu tổng kết sau cuối cùng truyện Kiều :

*Có đầu thiên vị người nào,
Chữ tài chữ mệnh đời-dào cả hai.
Có tài mà cậy chi tài,
Chữ tài liền với chữ tai một vần.
Thiện căn ở tại lòng ta,
Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài.*

Lấy chữ **tài** chữ **mệnh** mà lập thuyết, lại lấy chữ **tài** chữ **mệnh** mà kết luận, sau hết cả thì lấy chữ **thiện-căn** và chữ **tâm** làm đoán án, tư-tưởng cao thượng, nghị luận siêu-thoát, không phải những người lý-học uyên-thâm, thì không lập ngôn được như thế.

Nói tóm lại thì văn truyện Kiều là một áng văn-chương tuyệt-thế, lời văn đẹp dễ, ý tưởng thâm trầm, xem vào như hoa thêu, như gấm dệt, nghe ra như đàn hát, như oanh ca, và đọc và nghĩ, càng nghĩ càng hay, nghe bao nhiêu cũng không nhàm, đọc bao nhiêu cũng không chán,

thiệt là một lối văn-từ thiên-lại mà sinh ra, có tính-tinh, có tâm-huyết, mới kết-cấu được văn-chương như thế, cho nên trong lúc buồn mà đọc truyện Kiều có vẻ vui, trong lúc vui mà đọc truyện Kiều thì có gửi ý buồn, hiện bây giờ trong nước từ thượng-lưu cho đến hạ-lưu, từ nhi-đồng cho đến phụ-nữ, ai cũng biết truyện Kiều, ai cũng có thể nhớ mà kể được năm ba câu trong truyện Kiều, xưa nay chưa có văn-chương của người nào, nước nào mà phổ-thông bằng văn truyện Kiều vậy. Thậm chí có người muốn phân biện một lẽ gì, hay giải tỏ một điều gì, cũng lọc trợn những câu trong truyện Kiều làm tả-chứng, văn truyện Kiều hầu thành như những lời cách-ngôn ngạn-ngữ của nước Nam vậy. Văn truyện Kiều hay khiến cho ai cũng phải sùng bái, sùng bái cho đến nỗi thành ra có vẻ linh-khí: tôi thường thấy những người làm quan hay là đi thi, muốn cầu danh, những người buôn bán, muốn cầu tài, và những người chưa có vợ chồng, muốn kết duyên đôi lứa, mà có ý nghi ngờ ái ngại chưa định, dở truyện Kiều ra chít lấy một vài câu, suy đoán cho kỹ có thể định được nên không, biết được xấu tốt, thế thì bảo rằng văn trong truyện Kiều đều là những câu thần-cú cả, tưởng cũng không lấy gì làm quá đáng.

**12. — Vì thế nào mà chúng ta nên
kỷ-niệm cụ Nguyễn-Du**

Cơ nghiệp bản-triều gây dựng lên vẫn từ Liệt-thánh, nhưng có Đức Cao-Hoàng đánh đông dẹp bắc, hỗn-nhất dư-dồ, lúc bấy giờ vương-nghiệp mới đại-định, cho nên trong thế-miếu có cửu-đỉnh, là để kỷ-niệm công-đức của vua Cao-Hoàng. Đại-pháp thắng trận, vẫn nhờ những tay tướng giỏi, nhưng thoát đâu có một trận tiên thanh ở sông Marne, gây ra tự ông Joffre, rồi sau nhân tâm hưởng ứng, thanh-thế mới chấn hưng, cho nên bản chiến-công trong cuộc toàn thắng của đồng-minh, thì ông Joffre phải đứng vào hàng võ-công đệ nhất.

Nói về vấn-đề quốc-văn mình cũng chẳng khác gì thế, trước khi cụ Tiên-diên ra đời, quốc-văn cũng đã có người đem đường dẫn lối, nhưng cũng đương hồ-đồ hộn-độn, như vào giữa lúc thế-kỷ sơ khai, chưa có lấy gì làm phát-đạt, từ khi có cụ Nguyễn-Du ra tay mà điềm-truyết và tô vẽ cho, lúc bấy giờ quốc-văn mới có vẻ tinh-thần sinh-sắc.

Thế thì công-đức cụ Tiên-diên đối với quốc-văn lớn lao biết là chừng nào ! Biết cơ-nghiệp của bản-triều mà gây dựng lên đợc, không nên quên công-đức vua Cao-Hoàng, biết cục-diện của Âu-châu mà hoà-bình đợc, không nên quên công-lao của ông Joffre, thì phải biết áng quốc-văn mình, bây giờ mà có thể châu-hung đợc là vì nhờ có bản truyện Thủy-Kiều xuất thế. Thế thì cụ Tiên-diên đối với chúng ta ngày nay, không đáng có một cái tượng đồng bia đá hay sao ?

Chúng ta sinh trưởng ở Việt-nam, tiếng Việt-nam là tiếng của cha ông, văn Việt-nam là tinh-thần của tổ-quốc, đương hồi quốc-văn tấn-hoá như bây giờ, chúng ta là con cháu, nếu xao-lãng đi mà để cho một vị quốc-văn công-thần như cụ Nguyễn-Du, trầm-lạc mất danh tiếng, thì cũng chẳng khác gì là uống nước mà không nhớ đến nguồn, ăn quả quên kẻ trồng cây vậy, như thế sao chớ đành !

PHỤ LỤC

10 — Bài phú « Khổng-tử mộng Chu-công »

Của cụ Trung-cần-công

« Cơ đầu chuyển vận, lý thực cảm thông, khác thừa
« điềm xưa liên-hậu, lạ chung giấc mộng Cao-Tông ;
« Gánh-cương thường nhậm lấy một mình, khá khen Phu-
« tử ; thưở mộng-my dường bằng có ý, bèn thấy Chu-công.

« Nguyên từ : quang nhạc xuống linh, bề dòng cấu khí,
« non Ni-sơn sớm ứng trình-tường, làng Khuyết-ly trở
« sinh thánh tri; hiến chương một đạo, rắp theo đòi dấu
« cũ Văn-vương; mộng my đòi phen, còn tưởng tượng
« đời xưa Trùng-tề.

« Chung khi ấy, song mai lúc vắng, đèn hạnh đêm
« nhàn, ngóng mặt lòng kia còn tưởng, gối tay giấc nọ
« vừa an; trên kỷ-tịch mơ màng, nửa tự cồn-y ngồi chăm-
« chăm, trước môn-tường phẳng phất, đường màu
« xích-tích bước khoan-khoan. Nghĩa bình tố chưa từng
« quen thuộc, giấc chiêm-bao sao khéo bàn hoàn,

« Thấy đâu chí đã hẹn hò, lòng còn dan-diu, xa-xòi
« tuy cách trăm năm, sau trước cũng về một đạo, gồm ba
« vua ra bốn việc, nên Thái-hoà mong trở gót Thành
« Khang. Vừa chấn thảng trải ba năm, đời chí trị rắp
« lại miền Phong Kiều, lo lường khôn xiết tư lương,
« mộng my xảy nên trăm triệu.

« Ví dầu lòng trời muốn trị, đạo thánh gặp thì; quyền
« chính giáo mặc dầu cất đặt, việc quốc-gia chỉ được
« thi vi; chuyển máy thiêng biến Lỗ biến Tề, sao liệt
« quốc lại châu về bắc; ra tay giúp làm vương làm đế,
« vạc Thành-Chu ắt trở sang tây, Thời tiết ấy dặng
« công nghiệp ấy, chiêm-bao kia phải chí khí kia.

« Nài bao, cùng đạt mặc giới, thịnh suy có số; chí cả
« kia mong rắp ra làm, nước hầu nọ lại hay quyền chú;
« đường xe ngựa què người dậm khách, luống trải qua
« Lỗ, Vệ, Tống, Trần; tiết hồi minh sớm gió tối mưa,
« khôn đem lại Thành, Khang, Văn, Võ.

« Vậy khiến: thương lân sùi-sụt, thán phượng nghêu-
« ngao; thời chưa gặp thánh nhân đã vậy, đạo chẳng
« dùng thiên-hạ làm sao; hai trăm lễ xuân thu, mới biết
« trị bình chẳng dễ; bảy mươi thừa tuế nguyệt, thêm
« tuần tuổi tác càng cao; mọi nỗi luống xui than thở,
« mấy lâu vắng thấy chiêm-bao.

« Song-le, danh sánh giới dài, đức so bề rộng; vì

« muôn đời mở tượng thái bình, gộp bày thánh uyên
« nguyên đạo thống; tuy thiều Tề, khánh Vệ, chưa
« chút đèn chỉ cả ước ao; song thánh đức, văn công,
« còn để đến đời sau sùng trọng. Tôi nay, ngông trông
« cồn miến, ngãnh kính thu dương, hãy còn tưởng khi
« giấc mộng. »

Nguyễn-Nghiêm

20. — Bài văn cụ Nguyễn-Du trả lời
cho cụ Đốc-Thị (督視) là Nguyễn-huy-Quỳnh (1)

Tiệc thay duyên Tần phạm Tần,
Chưa quen đã lạ chưa gần đã xa,
Chưa chi đông đã rụng ra,
Đến giờ hãy giận con gà chết toi (2),
Tìm gan cho cái sao mai,
Thảo nào vác búa đánh giời cũng nên,
Về qua liếc mắt trông miến,
Lời oanh giọng ví chữa êm dằm ngòi,
Giữa thềm tàn thuốc còn tươi,
Bã giần chưa quét nào người tình chung!
Hồng-sơn cao ngắt mấy trùng (3),
Đò Cài mấy trượng thì lòng bấy nhiêu,
Làm chi các - có lắm điều,
Mới đêm hôm trước lại chiều hôm nay.
Khi xa - xa hồi thế này,
Tiếng xa nghe hãy rù-rì bên tai,
Quê nhà nắng sớm mưa mai,
Đã buồn dở đến lịp toi càng buồn,
Thờ ơ bó vọt đồng sừn,
Đã nhàm bệ mọc lại hòn nắm dang.
Trắng tà chênh-chếch bóng vàng,
Dừng chân thoát nhớ đến đàng cửa trường,
Thần - thơ gói chiếc màn suông,
Rối lòng như sươi ai cuồng cho xong.
Phiên nào chợ Vịnh ra trông,

Mông ba chẳng thấy lại hòng mười ba (4).
Càng trông càng chẳng thấy ra,
Coi trầu quệt đã vại và lần ôi.
Tưởng rằng nói thể mà chơi,
Song - le đã động lòng người lắm thay.
Trông trời, trời cách từng mây,
Trông trăng, trăng hẹn đến ngày ba mươi.
Vô tình trăng cũng như người,
Một ta, ta lại gậm cười chuyện ta.

(1) Cụ người xã Trường-lưu, tổng Lai-thạch (Hà-tĩnh) đậu Tấn-sĩ đời hậu Lê, làm Thuận-hoá Đốc-Thị. Xã Trường-lưu làm nghề kéo vải, đàn bà con gái thường hay vi hát. Người ta nói rằng lúc thiếu-thời cụ Nguyễn-Du thường lên chơi cũng đi nghe hát và bẻ chuyện cho những người hát. Một hôm cụ lên chơi, lúc ra về, cụ Đốc-Thị gia thác làm lời người con gái làm bài văn như sau này. Cụ Nguyễn-Du trả lời lại gia thác làm lời người con trai phường nón, vì làng cụ là làng làm nón, đến nay vẫn còn :

Tặng mai Hậu (5) gỡ ra về,
Hồn Trương-tư hãy còn mê giấc nồng,
Coi trầu chưa kịp tạ lòng,
Tỉnh ra khách đã non sông mấy vơi,
Giời làm chi cực bấy giờ,
Coi trầu này để còn mời mọc ai,
Tím gan để hát ra ngoài,
Trông theo trường Hồng đồ Cai (3) biết đâu.
Khi lên để rồi cho nhau,
Ra về trút một gánh sầu về ngay.
Xua buồn từ đó lại nay,
Nào ai mó đến xa quay xin thề,
Thẹn thùng đường cười đi về,
Chân đừng giầy đạp tay ê soi chuyện,
Vành tai nghe tiếng ác truyền,
Dựng sâu cuốn trục tám phiên đồ hoa,
Chợ chuyện giăng lại tháo ra,
Gần nhau cánh quăng vành xa mấy hồi,
Liều bằng khờ một go đôi,
Liều như bông đã bán rồi bong-bong.

(2) Tiếng nộp con gà gáy sớm quá.

(3) Hồng-sơn là núi Hồng, đồ Cai ở về địa phận làng kẻ Cai, tức là làng Kiệt-thạch, ở Tiên-diên lại Trảng-lưu có đi qua hai chỗ ấy.

(4) Chợ Vịnh cứ ngày ba và ngày tám là phiên chính, hôm ấy làng hoá trong các xứ nhà quê đều đem tới bán.

(5) Đời Lê, con các quan lớn được phong Hậu, nên cụ Nguyễn-Du lúc ấy gọi là Hậu cũng như Âm bấy giờ.

Bài văn tế thập-loại chúng-sinh

(*Nguyễn-Du tiên-sinh soạn*)

Tiết tháng bảy mưa dầm dỗi giọt,
Lọt hơi sương lạnh ngắt xương khô,
 Não người thay, bấy chiều thu,
Ngàn lau khóm bạc, giếng ngô dòng vàng.
Đường bạch-dương bóng chiều man-mác,
Ngọn đường-lê lác-đác mưa sa,
 Lòng nào lòng chẳng thit-tha,
Cõi dương còn thế, nữa là cõi âm.
Trong trường-dạ tối tăm giới đất,
Xót khôn thiêng phảng phất u minh,
 Thương thay thập loại chúng-sinh.
Phách đơn hồn chiếc lênh-đênh quê người.
 Hương khói đã không nơi nương tựa,
Phận mồ-côi lần lựa đêm đen,
 Còn chi ai khá ai hèn,
Còn chi mà nói ai hiền ai ngu.
 Tiết đầu thu dựng đàn giải thoát,
Nước tịnh bình rưới hạt dương-chi,
 Muôn nhờ Phật lực từ-bi,
Giải oan cứu khổ hồn về Tây-phương.
 Nào những kẻ tính đường kiêu hạnh,
Chỉ những chằm cướp gánh non sông,
 Nói chi đương thừa thị hùng,
Tưởng khi thế khuất vận cùng mà đau.
 Bỗng phút đầu lò bay gói lở,
Khôn đem mình làm đũa thất phu,
 Lớn, sang, giàu, nặng oán thù,
Máu tươi lai láng xương khô đã rời,
 Đoàn vô-tự lạc-loài neho nhóc,
 Quỷ không đầu van khóc đêm mưa,

Đã hay thành bại là cơ,
Mà u-hồn biết bao giờ cho tan.
Nào những kẻ màn loan, trướng huệ,
Những cây mình cung quế Hăng-nga,
Một phen thay đổi sơn hà,
Tấm thân miếng lá biết là làm sao,
Trên lầu cao dưới dòng nước chảy,
Phận đã đành trâm gãy bình rơi,
Khi sao đông đúc vui cười,
Mà khi nhắm mắt không người nhật xương.
Thảm thiết nhẽ không hương không khói,
Hồn ngẩn-ngơ dòng suối ngàn sim,
Thương thay thân yếu tay mềm,
Càng năm càng héo càng đêm càng rầu,
Nào những kẻ mũ cao áo rộng,
Ngồi bút son thác sống ở tay,
Kinh luân chất một xãi đầy,
Đã đem Quân Cát lại ngày Y Chu
Thịnh mãi lắm oán thù càng lắm,
Trăm loài ma mồi nắm chung quanh,
Ngàn vàng khôn đổi được mình,
Lầu ca viện xứng tan tành còn đâu,
Kẻ thân-thích vắng sau vắng trước,
Biết lấy ai bát nước nén hương,
Cô hồn thất-thưởng dọc ngang,
Mạng oan khôn nhẽ tìm đường hoá sinh.
Nào những kẻ bài binh bố trận,
Đem mình vào cướp ấn Nguyên-nhung,
Gió mưa thét giọng ùng-ùng,
Phơi thân trăm họ làm công một người.
Khi thất-thể cung rơi tên lạc,
Bãi sa-trường thịt nát máu trôi,
Bơ-vơ góc biển chân giời,

Tấm thân mảnh lá biết vùi vào đâu.
Giời thắm-thắm mưa rằm gió thét,
Khí âm vân mù-mịt trước sau,
Năm năm sương nắng giải-giầu,
Còn đâu tế tự, còn đâu chưng thờ.
Cũng có kẻ tính đường trí phú,
Làm tội mình nhịn ngũ bát ăn,
Ruột rà không kẻ chí thân,
Đầu làm nên nữa dành phần cho ai.
Khi nằm xuống không người nhấn nhủ,
Của phù-vân giầu có như không,
Tuy rằng bạc chảy tiền dòng,
Khi đi mang được một đồng nào đi.
Khóc ma mướn thương gì hàng xóm,
Hòn gỗ đa bó đóm đưa đêm,
Ngần-ngơ nội Lộc đồng chiêm,
Tàn hương giọt nước biết tìm vào đâu,
Cũng có kẻ muốn cầu chữ qui,
Đem thân vào thành thị lân-la,
Mấy thu lià cửa lià nhà,
Vấn-chương đã chắc đầu mà tri-thần.
Dọc hàng quán phải tuần mưa nắng,
Vợ con nào nuôi nấng kiêng khem,
Vội vàng liệm sắp chôn nghiêng,
Anh em thiên-hạ láng-giềng người đứng.
Bóng tang-tử sa chùng hương khúc,
Bãi sa-trường kẻ dọc người ngang,
Cô-hồn nhờ gửi tha-hương,
Gió trắng heo hắt khói hương lạnh-lùng.
Lại có kẻ vào sông ra bể,
Cánh buồm sưa chạy xế gió đông,
Gặp cơn dông-tố giữa dòng,
Đem thân vùi dập vào lòng kinh-nghe.

Lại có kẻ đi về buôn bán,
Đòn gánh tre chèn dẫn hai vai,
Gặp cơn mưa gió khí giời,
Hồn đường-sá biết lạc loài vào đâu.
Lại có kẻ mắc vào ngũ lĩnh,
Bỏ cửa nhà đi gánh việc quan,
Nước khe cơm ống gian-nan,
Giãi-giầu muôn dặm lăm than một đời.
Trong chiến trận xem người như rác,
Thân đã đành đạn lạc tên rơi,
Lo-thơ ngọn lửa ma trời,
Tiếng oan văng-vẳng tới giời càng thương.
Lại có kẻ lỡ làng một kiếp,
Liều tuổi xanh bán nguyệt buôn hoa,
Ngần ngờ khi trở về già,
Ai chồng con nấy biết là cây ai.
Sống đã chịu một đời phiền não.
Thác lại nhờ bát cháo lá đa,
Đau đón thay phận đàn bà,
Kiếp sinh ra thế biết là tại đâu.
Lại có kẻ nằm cầu gối đất,
Giỗ những ngày mưa nắng ngược xuôi.
Thương thay cũng một kiếp người,
Sống nhờ hàng-xứ, thác vùi đường quan,
Lại có kẻ mắc oan tù lạc,
Gửi thân vào chiếu lác một manh,
Gói xương chôn lấp bên thành,
Kiếp nào khỏi được oan tình ấy đi.
Lại như đứa tiểu-nhi nhỏ bé,
Lỗi giờ sinh, lià mẹ, lià cha,
Lấy ai bồng bế vào ra,
Ư ư tiếng khóc xót-xa nổi lòng.
Cũng có kẻ đắm sông chìm bể.

Cũng có người sầy củi, ngã cây,
Có người gieo giếng đứt dây,
Người trôi nước lụt, người lây cháy thành.
Người thời mắc sơn tinh thủy quái,
Người thời lâm rãng khỉ ngà voi,
Có người có để không nuôi,
Có người sa sầy, có người gian phi.
Mắc phải lúc đường đi nước bước,
Cầu Ái-hà kẻ trước người sau.
Một người một nghiệp khác nhau,
Hồn xiêu phách lạc biết đâu bấy giờ,
Hoặc là ăn dọc bờ dọc bụi,
Hoặc là nương ngọn suối chân mây,
Hoặc là bụi cỏ bóng cây;
Hoặc là cầu nợ quán này bơ-vơ.
Hoặc là tựa Thần-từ Phật-tự,
Hoặc là theo đầu chợ cuối sông,
Hoặc là mơ mẩn đồng không,
Hoặc nơi gò đồng, hoặc bông lau chè.
Mấy thu chịu nhiều bề thảm thiết,
Dạ héo khô gió rét căm - căm.
Giải giàu biết mấy trăm năm;
Khóc than dưới đất ăn nằm trong sương
Nghe gà gáy tìm đường lánh ẩn,
Tắt mặt giới lần thân tìm ra,
Lôi-thời âm trẻ đất già,
Có khôn thiêng hỏi lại mà nghe kinh.
Nhờ Phật lực siêu sinh tịnh độ,
Bóng hào-quang cứu khổ độ u,
Khấp trong tứ đại bộ châu;
Não phiền thoát sạch oan thù rửa trong.
Đạo vô thượng thần thông quảng-đại;
Chuyển Pháp-luân tam giới thập phương.
Nhỏn-nhờ tiểu diện quý phương;
Linh kỳ một lá dẫn đường độ sinh,
Nhờ Phật lực uy linh dũng mạnh;

Trong giấc mê phút tỉnh chiêm-bao,
Mười loài là những loài nào,
Gái trai già trẻ cũng vào nghe kinh.
Kiếp phù sinh như hình bào ảnh;
Có câu rằng : Vạn cảnh giai không,
Ai ai lấy Phật làm lòng;
Tự nhiên siêu thoát ở trong luân-hồi.
Đàn chần tế theo lời Phật giáo;
Vật có gì lưng cháo nén hương,
Gọi là mảnh áo thoi vàng,
Giúp cho làm cửa ăn dàng siêu thiên.
Ai tới đó dưới trên ngồi lại;
Lấy chút lòng chớ ngại bao nhiêu,
Phép thiêng biến ít ra nhiều,
Trên nhờ Tôn-giả chia đều chúng sinh.
Phật hữu tình từ bi tế độ;
Chớ ngại rằng có có, không không,
Nam vô phật, nam vô pháp, nam vô tăng,
Nam vô nhất thiết siêu thanh thượng đài.

Nghe nói cụ Nguyễn-Du có làm một bài « Giới thế sự ca » (戒 世 事 歌) chúng tôi còn sưu tầm chưa thấy, người cháu tam đại của cụ còn nhớ đoạn này, xin lục ra, sau có tìm thấy toàn cả bài sẽ tục đăng.

Chê thầy thuốc không tinh nghề :

*Trách vì thầy thuốc dở dang,
Chẳng thông mạch lạc chẳng tường cơ quan,
Thương phong thì nói thương hàn,
Bệnh kia ngoài cảm nói cần nội thương.
Nhiệt gia phụ-tử can-khương,
Bổ hư thì dụng ma-hoàng tế-tân. . . ,*

(Giới thế sự ca)

Văn chữ Hán

I. — Bài vịnh con ngựa già thả ruông dưới thành.

(trích ở tập thơ Nam-trung tập-ngâm ra)

莫	耐	老	饑	沙	石	毛	誰	城
教	得	去	來	場	壘	暗	豕	下
鞦	風	終	不	日	秋	皮	老	棄
靷	霜	懷	作	暮	寒	乾	馬	馬
再	全	報	求	陣	烟	廋	棄	城
相	爾	主	人	雲	草	不	城	陰
侵	性	心	態	深	短	禁		

II.— Bài biện tâm sự ông Giả-Nghị, có làm bài phú tế Khuất-
Nguyên, vì không gặp thời, bực chí mà trầm mình ở
sông Mịch-la.

Bài phú

(trích ở tập thơ Thành-tạp lục ra)

未	烈	古	屈	不	不	辦
必	女	人	原	讀	涉	賈
古	從	難	心	長	湖	
人	來	得	湘	沙	南	
知	不	同	江	賦	道	
有	二	心	水	安	安	
我	夫	人	千	識	知	
眼	何	賈	秋	屈	湘	
中	得	生	萬	原	水	
流	栖	一	秋	心	深	
水	栖	賦	清			
空	於	彼	見			
悠	九	為	底			
悠	州	耳				

豫讓橋匕首行

Dự-Nhượng kiều chuỷ thủ hành

Nguyên ông Dự-Nhượng là một người hiệp-sĩ ở đời Chiến-quốc, đối với ông Tri-Bá là một người tri-kỷ, khi ông Tri-Bá bị ông Trương-Tử giết, không có ai vì ông Tri-Bá mà phục thù, ông Dự-Nhượng sơn mình giả làm người khất-cái, cắp dao găm núp ở dưới kiều, để rình khi nào mà Trương-Tử đi qua, thời ông Nhượng giết ngay; chẳng may ông Trương-Tử bắt được, nhưng mà ông ấy trọng bụng ông Nhượng giỏi, không nỡ giết, tha ông Nhượng về, thế mà ông Nhượng không dỗi cái bụng phục thù đó, lại mang dao găm làm như xưa, ông Trương-Tử lại bắt được, lúc đem ra giết, ông Nhượng xin ông Trương cho cái áo, để ông đánh ba cái, rồi chết mới thoả, vì đó cho nên cái câu ấy gọi là Dự-Nhượng kiều.

晉陽城下滔滔水智伯漆頭爲溺器無人報
仇誠可悲其臣豫讓身當之漆身爲癩剔鬚
眉當道乞食妻不知身挾匕首伏橋下怒視
仇人甘如飴殺氣凜凜不可近白日無光霜
雪飛再獲再舍心不移臨死猶能三擊衣凌
凌奇氣干霄上自此橋名更豫讓君臣大義
最分明國士眾人各異尙愧殺人臣懷二心
千古聞之色惆悵豈是荆刺毒政徒甘人豢
養輕其軀氣血之勇不足道君獨錚錚鉄丈
夫路經三晉皆郎士注目邊橋如有睹西風
淒淒寒迫人征馬頻嘶驚失路匕首當辰七
寸長獨有萬丈光芒亘千古